BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
Số: 5306 /QĐ-ĐHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cần Thơ, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học, ban hành kèm theo Quyết định số 3796/QĐ-ĐHCT, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 20/BB-ĐHCT, 21/BB-ĐHCT, 22/BB-ĐHCT, 23/BB-ĐHCT ngày 11/10/2023 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp hình thức VLVH năm 2023 của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cho 81 sinh viên hình thức Vừa làm vừa học do Trường Đại học Cần Thơ đào tạo tại các đơn vị:

- Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh An Giang	01 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	09 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	12 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	01 sinh viên;
- Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	20 sinh viên;
- Trường Đại học Cần Thơ	29 sinh viên;
- Trường Đại học Tiền Giang	02 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Kiên Giang	01 sinh viên;
- Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An	01 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	02 sinh viên;
- Trường Cao đẳng Vĩnh Long	03 sinh viên;

(*Danh sách kèm theo*)

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dừng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ, Hiệu trưởng(Giám đốc) các đơn vị liên kết đào tạo thuộc điều 1, thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường có liên quan và các sinh viên có tên căn cứ quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Các Khoa liên quan (để biết);
- Lưu: VT, TT.LKĐT/ĐHCT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2023

*(Kèm theo Quyết định số: **5306** /QĐ-ĐHCT ký ngày 12 tháng 10 năm 2023)*

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
1	AG1732N343	Lý Thị Ngọc Trâm	09/09/1997	N	AG1732N1	Luật	Trung bình
2	CD1632N047	Trần Hoài Phúc	11/05/1995		CD1632N1	Luật	Trung bình
3	CD1732N515	Nguyễn Công Lợi	23/06/1993		CD1732N2	Luật	Trung bình
4	CD1861N014	Nguyễn Minh Phúc	04/02/1993		CD1861N1	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá
5	CD1861N025	Nguyễn Sơn Tùng	28/01/1983		CD1861N1	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá
6	CD1861N504	Trương Phú Lễ	01/05/1979		CD1861N1	Kỹ thuật điện, điện tử	Khá
7	CD1920K316	Nguyễn Thị Ngoãn	21/03/1987	N	CD1920K1	Kế toán	Khá
8	CD2120K029	Châu Thị Minh Tuyền	03/12/1993	N	CD2120K1	Kế toán	Khá
9	CD2120K035	Phạm Văn Phục	21/07/1987		CD2120K1	Kế toán	Khá
10	CD2120K100	Huỳnh Nguyễn Tuấn Anh	08/07/2000		CD2120K1	Kế toán	Khá
11	CK2022K004	Võ Thành Công	20/10/1999		CK2022K1	Quản trị kinh doanh	Khá
12	CK20V7K004	Phạm Nhật Duy	12/11/1999		CK20V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
13	CK20V7K007	Lý Anh Hào	29/11/1999		CK20V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
14	CK20V7K018	Nguyễn Minh Phú	27/05/1998		CK20V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
15	CK21V7K002	Huỳnh Thị Bích	07/03/1999	N	CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
16	CK21V7K007	Nguyễn Quốc Đạt	01/11/2000		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
17	CK21V7K014	Dương Hoàng Khang	11/08/2000		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
18	CK21V7K017	Trần Đặng Lộc	20/04/2000		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
19	CK21V7K025	Phan Thị Xuân Nhi	01/01/1995	N	CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
20	CK21V7K029	Hồ Duy Thái	06/09/1995		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
21	CK21V7K037	Lê Quốc Trung	17/07/2000		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
22	CK21V7K040	Nguyễn Văn Vui	20/12/1990		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
23	CM1932Q039	Lê Minh Quốc	05/05/1978		CM1932Q1	Luật	Khá
24	CT1822N541	Nguyễn Thị Phương Trinh	24/03/1993	N	CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
25	CT1822N700	Trần Thanh Tấn	05/03/1997		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
26	CT1822N802	Nguyễn Đức Khoa	14/06/1999		CT1822N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
27	CT1832N533	Nguyễn Thu Phương Thảo	02/06/2000	N	CT1832N1	Luật	Trung bình
28	CT1832N538	Châu Hồ Văn	16/07/1996		CT1832N1	Luật	Trung bình
29	CT1832N545	Đinh Quốc Đua	20/08/1996		CT1832N1	Luật	Trung bình
30	CT2122Q013	Nguyễn Thanh Hòa	23/04/1996		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
31	CT2122Q015	Trần Văn Hoàng	26/10/1993		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
32	CT2122Q017	Lê Đắc Huỳnh	29/09/1991		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
33	CT2122Q018	Nguyễn Thị Anh Kim	19/08/1995	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
34	CT2122Q019	Vũ Văn Lam	27/08/1991		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
35	CT2122Q020	Nguyễn Phương Lan	20/10/1994	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
36	CT2122Q022	Huỳnh Thị Kim Ngân	02/09/1989	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
37	CT2122Q024	Lê Thị Tuyết Như	01/11/1991	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
38	CT2122Q029	Trần Tiến Thịnh	29/09/1995		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
39	CT2122Q030	Huỳnh Anh Thoại	19/04/1996		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
40	CT2122Q031	Nguyễn Thanh Toàn	12/06/1994		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
41	CT2122Q032	Nguyễn Ngọc Hương Trang	22/12/1996	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
42	CT2122Q037	Nguyễn Tô Hà	02/09/1987	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
43	CT2122Q039	Trần Mỹ Vân	26/03/1986	N	CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
44	DC1562N501	Trần Lưu Quý	01/10/1996		DC1562N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình
45	DC1532M547	Tô Thị Nhã Trân	29/05/1997	N	DC1632M1	Luật	Trung bình
46	DC1632P003	Đặng Hải Dương	02/06/1996		DC1632P1	Luật	Trung bình
47	DC1662N017	Mao Tấn Tài	1988		DC1662N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình
48	DC1762H317	Cao Minh Thành	13/06/1989		DC1762H1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá
49	DC1562N531	Nguyễn Minh Tuyến	27/11/1993		DC1762N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình
50	DC1762N308	Dương Tấn Lợi	25/10/1996		DC1762N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá
51	DC1762N333	Lê Thanh Hương	21/02/1983	N	DC1762N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi
52	DC1896N704	Trần Hồ Thanh Duy	18/03/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá
53	DC1896N706	Quảng Tấn Đạt	20/09/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
54	DC1896N709	Hứa Huy Hoàng	04/05/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Giỏi
55	DC1896N713	Lê Đăng Khôi	15/04/1999		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá
56	DC1896N719	Lê Minh Luân	24/02/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá
57	DC1896N722	Nguyễn Trung Nguyên	01/01/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Giỏi
58	DC1896N729	Thái Thiên Tân	27/05/1995		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Xuất sắc
59	DC1896N735	Trần Quang Trọng	11/03/2000		DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá
60	DC1896N800	Nguyễn Thị Bích Huyền	17/03/1999	N	DC1896N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá
61	DC1920N302	Lê Văn Đạt	06/05/1998		DC1920N1	Kế toán	Khá
62	DC1920N303	Nguyễn Hồng Gấm	15/03/2000	N	DC1920N1	Kế toán	Khá
63	DC1920N322	Phan Hoa Tím	18/02/1999	N	DC1920N1	Kế toán	Khá
64	DC1920N328	Nguyễn Thị Kiều Vân	22/12/1994	N	DC1920N1	Kế toán	Khá
65	DC1920N333	Nguyễn Ngọc Thạch	04/02/1991		DC1920N1	Kế toán	Khá
66	DC1920N334	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	03/11/1999	N	DC1920N1	Kế toán	Giỏi
67	DC1920N336	Phạm Thanh Trúc	11/03/2000	N	DC1920N1	Kế toán	Khá
68	DC1920N337	Hoàng Thảo Vi	04/08/2000	N	DC1920N1	Kế toán	Khá
69	DC1822N552	Mai Thị Thanh Thanh	08/06/1992	N	DC1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
70	DC1932N534	Lê Ngọc Trân	28/04/1996		DC1932N1	Luật	Khá
71	DC19T7K520	Võ Minh Luân	22/12/1997		DC19T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình
72	DC2020K010	Nguyễn Việt Đức	19/06/1995		DC2020K1	Kế toán	Trung bình
73	DG1832N535	Nguyễn Thị Bích Huyền	24/12/1987	N	DG1832N1	Luật	Trung bình
74	DG2032K032	Lâm Thị Huyền Trang	23/08/1999	N	DG2032K1	Luật	Khá
75	KG1632M044	Nguyễn Thanh Xuân	04/01/1994		KG1632M1	Luật	Trung bình
76	LA1532N551	Huỳnh Anh Tú	12/06/1996		LA1532N1	Luật	Trung bình
77	ST1832N735	Nguyễn An Khang	04/10/1996		ST1832N1	Luật	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
78	ST1832N739	Huỳnh Nhật Tân	09/11/1999		ST1832N1	Luật	Trung bình
79	VL1832M308	Hồ Vũ Khoa	1986		VL1832M1	Luật	Khá
80	VL1832M330	Bùi Văn Toàn	1986		VL1832M1	Luật	Khá
81	VL1932M318	Huỳnh Anh Khoa	01/12/1987		VL1932M1	Luật	Khá

LẬP BẢNG

Võ Minh Trí

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Phạm Phương Tâm